

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Số: ...
Ngày: 23/01/2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai chế độ, chính sách liên quan đến phương tiện,
điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước
đối với cán bộ, công chức, viên chức**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

*Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005 (sửa
đổi năm 2007 và năm 2012);*

*Căn cứ Luật ban hành các văn bản pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03
tháng 6 năm 2008;*

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 ngày 20
tháng 6 năm 2012;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

*Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định về việc công khai chế độ,
chính sách liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của
Đảng, Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan Đảng, Nhà nước, Bộ, ngành, địa phương được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ xây dựng, ban hành chế độ, chính sách liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ cho cán bộ, công chức, viên chức.

Các chế độ, chính sách trong quá trình soạn thảo để trình cấp có thẩm quyền thông qua và các chế độ, chính sách đã được ban hành liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ cho cán bộ, công chức, viên chức (trừ các chế độ, chính sách thuộc danh mục bí mật nhà nước).

b) Thủ trưởng các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, tổ chức), doanh nghiệp nhà nước công khai việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý.

2. Phạm vi công khai:

a) Các chế độ, chính sách (trong quá trình soạn thảo chế độ, chính sách để trình cấp có thẩm quyền thông qua; chế độ, chính sách được ban hành) liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức.

b) Việc thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 2. Nguyên tắc công khai

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác nội dung các thông tin về chế độ, chính sách và việc thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức;

2. Việc công khai phải đảm bảo quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến để giám sát thực hiện chế độ, chính sách thông qua những hình thức công khai quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

Điều 3. Hình thức công khai

1. Việc công khai chế độ, chính sách liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức của Quyết định này được thực hiện thông qua các hình thức sau:

a) Công bố trong các kỳ họp thường niên của cơ quan, đơn vị, tổ chức;

b) Phát hành ấn phẩm;

c) Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị, tổ chức, khu dân cư;

d) Thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Đưa lên trang thông tin điện tử;

e) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động;

g) Các hình thức công khai khác.

2. Căn cứ vào nội dung, mục đích, thời điểm công khai chế độ, chính sách và thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức ở Trung ương (dưới đây gọi chung là Bộ, cơ quan Trung ương) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thức công khai đối với các nội dung thực hiện công khai theo quy định tại Điều 4, Điều 5 cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý và nhân dân, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

Chương II

NHỮNG NỘI DUNG CÔNG KHAI CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Điều 4. Nội dung công khai

Các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp công khai chế độ, chính sách được xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy định liên quan đến các nội dung:

1. Tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước;

2. Tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước;

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp;